

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03-10-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Chín.

2/ Bà Nguyễn Thị Mến.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28/6/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn A1, xã N, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Số nhà 12, đường số 17, thôn 3, xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn; có mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được UBND xã N xác nhận ngày 06/12/2018, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05/8/2019, nguyên đơn bà Phạm Thị Y trình bày: Sau thời gian tìm hiểu thì năm 2011, bà Y và ông Nguyễn Chí T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Ông bà sống hạnh phúc được vài năm đầu và có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 22/8/2011 và Nguyễn Phạm Bảo A, sinh ngày 05/5/2016. Từ năm 2016 đến nay, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, đã nhiều lần tạo cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên ông bà sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Hiện tại mỗi người sống một nơi, không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay bà nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương quý trọng nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được nên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; Về con chung: hiện 02 con đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng, do đó khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2019 có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Chí T khai thống nhất như lời khai của bà Y về thời gian ông bà kết hôn, con chung và tình trạng hôn nhân hiện nay. Ông T khai, do tính cách vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xung đột và hiện nay mỗi người sống một nơi, không còn tình cảm yêu thương nhau nên đồng ý ly hôn. Về con chung thì ông T đồng ý giao cho bà Y trực tiếp nuôi cả 02 con. Về tài sản chung: Ông T không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị đơn tại phiên tòa, thấy rằng: cuộc sống hôn nhân giữa bà Y và ông T đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm, hiện mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm lẫn nhau. Từ đó có căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận

yêu cầu ly hôn của bà Y là có căn cứ. Về con chung nên giao 02 cháu Phú T và Bảo A cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng quy định.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Y là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét thấy bà Y và ông T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của bà Y, ông T và giấy khai sinh của Nguyễn Phú T và Nguyễn Phạm Bảo A thì có đủ cơ sở xác định, Phú T và Bảo A là con chung của bà Y và ông T. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Xét thấy hôn nhân giữa bà Y và ông T đã không còn hạnh phúc, từ đầu năm 2016 đến nay mỗi người sống một nơi, không còn liên lạc, quan tâm, thăm hỏi nhau. Bà Y và ông T đều xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau và đều có nguyện vọng được giải quyết ly hôn. Từ đó có căn cứ xác định hôn nhân

giữa bà Y và ông T đã thật sự trầm trọng, mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét thấy hiện tại 02 cháu Phú T và Bảo A đang được bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Y có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, ông T đồng ý giao cả 02 con cho bà Y nuôi dưỡng. Tuy chưa xác định được nguyện vọng của cháu Phú T (hiện đã trên 07 tuổi) mong muốn được sống với ai khi cha mẹ ly hôn, nhưng hiện tại cháu đang sống cùng với mẹ tại tỉnh Thái Bình, đã có nơi ở và học hành ổn định. Do đó để đảm bảo quyền lợi cho cả 02 cháu thì Hội đồng xét xử quyết định giao cả 02 cháu cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét trong bản án này. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì bà Y là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là đúng quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Y.

- Về hôn nhân: Tuyên bố Phạm Thị Y ly hôn Nguyễn Chí T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phú T, sinh ngày 22/8/2011 và cháu Nguyễn Phạm Bảo A, sinh ngày 05/5/2016 cho bà Phạm Thị Y được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Chí T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025444 ngày 25/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (03/10/2019); Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã T;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

